

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 407/2025/DS-ST
Ngày: 19 – 12 – 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 484/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 (có mặt).

Số Căn cước công dân: 096163010731, cấp ngày 10/4/2024.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: 1. Ông Đỗ Minh C (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Trúc L (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị Trúc L đã hỏi vay tiền bà nhiều lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/5/2017 âm lịch ông C và bà L vay 10.000.000 đồng. Lãi suất 20%/năm. Khi vay có làm biên nhận. Đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 07/02/2021 thì ngưng đóng.

Lần 2: Ngày 15/4/2019 âm lịch ông C và bà L vay 10.000.000 đồng. Lãi suất 20%/năm. Khi vay có làm biên nhận. Đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 15/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng.

Lần 3: Ngày 10/5/2019 âm lịch ông C và bà L vay 20.000.000 đồng. Lãi suất 20%/năm. Khi vay có làm biên nhận. Đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 10/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng.

Lần 4: Ngày 10/6/2019 âm lịch ông C và bà L vay 10.000.000 đồng. Lãi suất 20%/năm. Khi vay có làm biên nhận. Đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 10/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng.

Lần 5: Ngày 11/9/2019 âm lịch ông C và bà L vay 20.000.000 đồng. Lãi suất 20%/năm. Khi vay có làm biên nhận. Đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 11/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng.

Lần 6: Ngày 12/10/2019 âm lịch ông C và bà L vay 10.000.000 đồng. Lãi suất 20%/năm. Khi vay có làm biên nhận. Đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 12/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng.

Lần 7: Ngày 22/11/2019 âm lịch ông C và bà L vay 20.000.000 đồng. Lãi suất 20%/năm. Khi vay có làm biên nhận. Đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 22/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng.

Lần 8: Ngày 11/7/2020 âm lịch ông C và bà L vay 10.000.000 đồng. Lãi suất 20%/năm. Khi vay có làm biên nhận. Đã đóng lãi từ ngày vay đến ngày 11/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng.

Nay yêu cầu giải quyết buộc ông C và bà L trả số tiền vốn tổng cộng 110.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày ngưng đóng của từng khoản vay đến ngày xét sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D khởi kiện ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị Trúc L trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị Trúc L cùng cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị Trúc L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Bà D yêu cầu ông C và bà L thanh toán tiền vốn 110.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp các “Biên nhận nợ ngày 07/5/2017, ngày 15/4/2019, ngày 10/5/2019, 10/6/2019, ngày 11/9/2019, ngày 12/10/2019, ngày 22/11/2019, ngày 11/7/2020” có bà L ký xác nhận. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, có căn cứ xác định việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là thực tế có xảy ra. Xét thấy, từ khi vay đến nay bị đơn không thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do ông C là chồng của bà L nên phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông C và bà L trả số tiền vốn vay còn nợ 110.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà D xác định từ khi vay bị đơn ngưng đóng từng khoản vay cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 07/5/2017 vay 10.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 06/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng. Tính lãi từ ngày 07/02/2021 âm lịch (ngày 19/3/2021 dương lịch) đến ngày 19/12/2025 là 04 năm 09 tháng x 10.000.000 đồng x 20%/năm = 9.500.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 15/4/2019 vay 10.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 14/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng. Tính lãi từ ngày 15/02/2021 âm lịch (ngày 27/3/2021 dương lịch) đến ngày 19/12/2025 là 04 năm 08 tháng 22 ngày x 10.000.000 đồng x 20%/năm = 9.453.881 đồng.

- Lần 3: Ngày 10/5/2019 vay 20.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 09/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng. Tính lãi từ ngày 10/02/2021 âm lịch (ngày 22/3/2021 dương lịch) đến ngày 19/12/2025 là 04 năm 08 tháng 27 ngày x 20.000.000 đồng x 20%/năm = 18.962.557 đồng.

- Lần 4: Ngày 10/6/2019 vay 10.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 09/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng. Tính lãi từ ngày 10/02/2021 âm lịch (ngày 22/3/2021 dương lịch) đến ngày 19/12/2025 là 04 năm 08 tháng 27 ngày x 10.000.000 đồng x 20%/năm = 9.481.279 đồng.

- Lần 5: Ngày 11/9/2019 vay 20.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 10/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng. Tính lãi từ ngày 11/02/2021 âm lịch (ngày 23/3/2021 dương lịch) đến ngày 19/12/2025 là 04 năm 08 tháng 26 ngày x 20.000.000 đồng x 20%/năm = 18.951.598 đồng.

- Lần 6: Ngày 12/10/2019 vay 10.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 11/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng. Tính lãi từ ngày 12/02/2021 âm lịch (ngày 24/3/2021 dương

lịch) đến ngày 19/12/2025 là 04 năm 08 tháng 25 ngày x 10.000.000 đồng x 20%/năm = 9.470.320 đồng.

- Lần 7: Ngày 22/11/2019 vay 20.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 21/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng. Tính lãi từ ngày 22/02/2021 âm lịch (ngày 03/4/2021 dương lịch) đến ngày 19/12/2025 là 04 năm 08 tháng 16 ngày x 20.000.000 đồng x 20%/năm = 18.842.009 đồng.

- Lần 8: Ngày 11/7/2020 vay 10.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 10/02/2021 âm lịch thì ngưng đóng. Tính lãi từ ngày 11/02/2021 âm lịch (ngày 23/3/2021 dương lịch) đến ngày 19/12/2025 là 04 năm 08 tháng 26 ngày x 10.000.000 đồng x 20%/năm = 9.475.799 đồng.

Tổng cộng các khoản lãi phát sinh là 104.137.443 đồng. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi 110.000.000 đồng + 104.110.045 đồng = 214.137.443 đồng.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn và lãi 214.137.443 đồng là có căn cứ. Trường hợp bị đơn chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị Trúc L trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền vốn vay và lãi phát sinh 214.137.443 đồng (Hai mươi bốn triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Đỗ Minh C và bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 10.707.000 đồng (làm tròn số).

- Bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi nên được miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Như